TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 405/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 5 - 2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Phước Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Minh Thơ

2. Ông Huỳnh Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 358/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Nu C, sinh ngày 30/12/1993, CCCD: 089193006455; địa chỉ: 1 Ấp D, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Tấn K, sinh ngày 06/5/1995, CCCD: 096095001505; địa chỉ: 1 Ấp D, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 23/01/2026 và các biên bản hòa giải, làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Nu C trình bày:

Bà Lê Thị Nu C và ông Lê Tấn K tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới và đăng kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 19/4/2016 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện P (N là xã P), tỉnh An Giang.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vả, không có tiếng nói chung. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được,

không còn khả năng hàn gắn quan hệ hôn nhân nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông K.

- Về con chung: Có 02 trẻ tên Lê Khánh T, sinh ngày 18/8/2017 và Lê Ngọc Như Ý, sinh ngày 21/02/2019. Khi ly hôn, bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai trẻ, ông K cấp dưỡng nuôi 02 con chung 05 triệu đồng mỗi tháng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 17/3/22026 và biên bản hòa giải ngày 24/3/2026 Bị đơn ông Lê Tấn K trình bày: Ông K xác nhận quá trình tìm hiểu, tổ chức cưới và đăng ký kết hôn như lời trình bày của bà Lê Thị Nu C. Ông K xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn và các bên đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay, bà C yêu cầu ly hôn thì ông K không đồng ý, trường hợp phải ly hôn thì việc chu cấp cho con ông K đồng ý.

Ngày 03/4/2026, Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng và hòa giải. Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với bị đơn, đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ thêm, sớm giải quyết vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị N Chị có đơn xin xét xử vắng mặt trình bày vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn với ông Lê Tấn K. Bị đơn ông Lê Tấn K vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, quá trình thụ lý giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đều đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị N Chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn ông Lê Tấn K có nơi cư trú tại xã X, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đương sự tham gia phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 19/4/2016 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh An Giang cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Nu C và ông Lê Tấn K là hợp pháp.

Xét thấy, vợ chồng phải có trách nhiệm quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau nhằm tạo dựng hạnh phúc gia đình nhưng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà C và ông K phát sinh mâu thuẫn mà theo bà C trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng hay cãi nhau, không có tiếng nói chung. Bà C xác định không còn tình cảm với ông K, không còn khả năng hàn gắn quan hệ vợ chồng, yêu cầu xin được ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, bà C có có đơn xin xét xử vắng mặt, ông K vắng mặt không rõ lý do. Qua đó cũng đã chứng minh rằng ông K và bà C đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ, nên chấm dứt quan hệ hôn nhân của các đương sự theo yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với pháp luật và thực tế để các bên ổn định đời sống.

[2.2] Về con chung: Ông K và bà C có 02 con chung tên Lê Khánh T, sinh ngày 18/8/2017 và Lê Ngọc Như Ý, sinh ngày 21/02/2019. Khi ly hôn, bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi 02 con chung: 2.500.000 đồng/trẻ/tháng, tổng cộng 05 triệu đồng mỗi tháng cho cả hai trẻ.

Xét con chung chưa thành niên Lê Khánh T và Lê Ngọc Như Ý, cần được chăm sóc, ổn định trong cuộc sống, học tập để phát triển toàn diện và theo nguyên vọng của các trẻ muốn sống chung với bà C như lời trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2026, Hội đồng xét xử giao 02 con chung chưa thành niên Lê Khánh T và Lê Ngọc Như Ý cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên, tại bản tự khai ngày 17/3/2026 ông Lê Tấn K trình bày chấp nhận việc chu cấp cho con, Hội đồng xét xử ghi nhận, ông K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên 2.500.000 đồng/trẻ/tháng, tổng cộng 05 triệu đồng mỗi tháng cho cả hai trẻ.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn khai không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình, cấp dưỡng sơ thẩm: Theo khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ các điều 56; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N Chị về việc "Ly hôn".

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N Chị được ly hôn với ông Lê Tấn K.

1.2 Về con chung: Có 02 trẻ tên Lê Khánh T, sinh ngày 18/8/2017 và Lê Ngọc Như Ý, sinh ngày 21/02/2019.

+ Ông K có trách nhiệm giao cả 02 trẻ Lê Khánh T và Lê Ngọc Như Ý cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên 2.500.000 (Hai triệu năm trăm ngàn) đồng/trẻ/tháng, tổng cộng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) mỗi tháng cho cả hai trẻ.

+ Bà C có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho ông K đến thăm con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Không có.

1.4 Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí:

- Bà Lê Thị N Chị phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*, được trừ vào tạm ứng án phí bà C đã nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo Biên lai thu số 0010300 ngày 03/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà C đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Ông Lê Tấn K phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị trong thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 8 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM (KV8);
- UBND xã Phú Lâm, tỉnh An Giang (GKH số 24 ngày 19/4/2016 của UBND xã Long Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Phước Lý